TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 367/2019/DS-ST
Ngày: 18/6/2019
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vạn

2. Ông Lê Văn Dương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Thọ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2019/QĐST- DS ngày 21 tháng 5 năm 2019.

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A (viết tắt A)**

Trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Đào Đình M** – sinh năm 1980; Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Cộng Hòa Garden, số 20 Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số 12.DDM17/2018/UQ-GĐK-TDTD ngày 15/11/2018).

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Thanh L**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: D8/233/1 ấp 4, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông M có mặt tại phiên tòa, ông L vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2018 của Ngân hàng TMCP A và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đào Đình M trình bày:

Nguyên ngày 27/05/2014 ông Phạm Thanh L có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (số quản lý 20140527-100177-0001) với Ngân hàng TMCP A vay số tiền 16.684.500 đồng (mười sáu triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng chẵn) với lãi suất thỏa thuận 5.67% tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Phạm Thanh L có trách nhiệm trả số tiền cả gốc và lãi là 25.481.000 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn đồng), trả chậm liên tiếp trong vòng 15 tháng. 14 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.681.000 đồng; tháng cuối cùng trả 1.947.000 đồng. Trả vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 01/07/2014.

Thực hiện hợp đồng, ông Phạm Thanh L đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền lả 3.362.000 đồng (ba triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Kể từ ngày 04/8/2014 ông Phạm Thanh L không trả thêm bất cứ khoản nào cho tới nay dù Ngân hàng TMCP A đã nhắc nhở, yêu cầu trả nợ.

Do khách hàng trễ hạn trả nợ Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Thanh L thanh lý hợp đồng trả một lần cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau:

-Trả toàn bộ khoản nợ gốc còn lại theo hợp đồng: 15.304.934 đồng

- Trả toàn bộ khoản nợ lãi còn lại theo hợp đồng: 6.814.066 đồng

Tổng số tiền Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Phạm Thanh L phải trả là: 22.119.000 đồng (hai mươi hai triệu, một trăm mười chín nghìn đồng chẵn)

Vì vậy, Ngân hàng TMCP A kính đề nghị quý Tòa xem xét giải quyết yêu cầu ông Phạm Thanh L trả một lần toàn bộ số tiền 22.119.000 đồng (hai mươi hai triệu một trăm mười chín nghìn đồng) ngay khi bản án, quyết định của Tòa có hiệu lực.

Tại phiên tòa, ông M đại diện A vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu nêu trên và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Phạm Thanh L vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A. Về án phí, ông Phạm Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Ngân hàng TMCP A khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Phạm Thanh L. Ông L có nơi cư trú trên địa bàn huyện Bình Chánh nên, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Phạm Thanh L nhưng ông L vẫn không đến Tòa tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[5] Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140527-100177-0001 ngày 27/5/2014, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của A tại phiên tòa thì có cơ sở xác định ngày 27/5/2014 ông Phạm Thanh L có vay của A số tiền 16.684.500 đồng (mười sáu triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng), trong đó khoản vay mua xe máy là 15.890.000 đồng (mười lăm triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) và phí bảo hiểm là 794.500 đồng (bảy trăm chín mươi

bốn nghìn năm trăm đồng), lãi suất cho vay 5.67%/tháng, phương thức trả góp hàng tháng trong vòng 15 tháng, tổng số tiền phải thanh toán là 25.481.000 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn đồng). Phương thức trả nợ: Trả góp hàng tháng vào ngày 01 (một) dương lịch của tháng, 14 tháng đầu trả 1.681.000 đồng (một triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn đồng), tháng cuối cùng trả 1.947.000 đồng (một triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), bắt đầu thực hiện thanh toán từ ngày 01/7/2014.

[6] Cùng ngày A đã giải ngân số tiền nêu trên cho ông Phạm Thanh L theo Điều 10 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140527-100177-0001. Như vậy A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận.

[7] Căn cứ vào lịch sử thanh toán và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác nhận ông Phạm Thanh L đã thanh toán được 2 kỳ với tổng số tiền là 3.362.000 đồng (ba triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng) trong đó nợ gốc là 1.379.566 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi sáu đồng) và lãi 1.982.434 đồng (một triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng). Ông L còn nợ lại số tiền nợ gốc và lãi là 22.119.000 đồng (hai mươi hai triệu, một trăm mười chín nghìn đồng chẵn), trong đó nợ gốc 15.304.934 đồng (mười lăm triệu ba trăm lẻ bốn nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng), nợ lãi là 6.814.066 đồng (sáu triệu tám trăm mười bốn nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng).

[8] Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc đưa ra không đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không đến Tòa tham gia tố tụng theo yêu cầu của Tòa án, ông L đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

[9] Kể từ ngày 04/8/2014 ông L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn vay và lãi nên đã vi phạm nghĩa vụ đối với A vì vậy A yêu cầu ông L trả tiền vốn gốc và lãi còn nợ lại của hợp đồng tín dụng số 20140527-100177-0001 ngày 27/5/2014 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của A.

[10] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại các Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 118 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[11] Nếu ông L chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo án tuyên thì ông L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày A có đơn yêu cầu thi hành án theo mức lãi suất 5.67%/tháng quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140527-100177-0001 ngày 27/5/2014 giữa A với ông Phạm Thanh L.

[12] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

2. Buộc ông Phạm Thanh L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A (A) số tiền nợ gốc và lãi là 22.119.000 đồng (hai mươi hai triệu, một trăm mười chín nghìn đồng chẵn), trong đó nợ gốc 15.304.934 đồng (mười lăm triệu ba trăm lẻ bốn nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng), nợ lãi là 6.814.066 đồng (sáu triệu tám trăm mười bốn nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng), theo phương thức trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày Ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu thi hành án, ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140527-100177-0001 ngày 27/5/2014 giữa Ngân hàng TMCP A với ông Phạm Thanh L cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP A theo quyết định của Tòa án

cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP A.

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí:

4.1. Ông Phạm Thanh L chịu 1.105.950 đồng (một triệu một trăm lẻ năm nghìn chín trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền 552.975 đồng (năm trăm năm mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng áp phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006637 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu VP, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ THÙY

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 40 phút ngày 18/6/2019, tại Phòng nghị án phòng xử TAND huyện Bình Chánh.

Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

- Thẩm phán , chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy

- Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Vạn

2- Ông Lê Văn Dương

Đã nghị án về vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 11/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định với tỉ lệ biểu quyết 3/3 những vấn đề sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

2. Buộc ông Phạm Thanh L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A (A) số tiền nợ gốc và lãi là 22.119.000 đồng (hai mươi hai triệu, một trăm mười chín nghìn đồng chẵn), trong đó nợ gốc 15.304.934 đồng (mười lăm triệu ba trăm lẻ bốn nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng), nợ lãi là 6.814.066 đồng (sáu triệu tám trăm mười bốn nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng), theo phương thức trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày Ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu thi hành án, ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140527-100177-0001 ngày 27/5/2014 giữa Ngân hàng TMCP A với ông Phạm Thanh L cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP A.

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí:

4.1. Ông Phạm Thanh L chịu 1.105.950 đồng (một triệu một trăm lẻ năm nghìn chín trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền 552.975 đồng (năm trăm năm mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng áp phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006637 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Buổi nghị án kết thúc vào lúc 09 giờ 55 ngày 18 tháng 6 năm 2019.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa